

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Công nghệ Thông tin; Chuyên ngành: Khoa học máy tính

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Hoàng Xuân Dâu

2. Ngày tháng năm sinh: 23/05/1969; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: xã Thái Hưng, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Số 406-B8, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Khoa Công nghệ thông tin 1, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, Km10 đường Nguyễn Trãi, quận Hà Đông, TP. Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0904534390;

E-mail: dauhx@ptit.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ năm 1991 đến năm 1992: Nhân viên kỹ thuật tại Công ty gang thép Thái Nguyên

Từ năm 1992 đến năm 1994: Học viên kỹ sư tin học (hệ bằng 2, chính quy) tại Đại học Bách Khoa Hà Nội

Từ năm 1994 đến năm 1998: Nhân viên kỹ thuật tại Công ty gang thép Thái Nguyên

Từ năm 1998 đến năm 1999: Giảng viên tại Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

Từ năm 1999 đến năm 2001: Học viên thạc sỹ (cán bộ được cử đi học) tại Đại học RMIT, Melbourne, Australia

Từ năm 2001 đến năm 2001: Giảng viên tại Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

Từ năm 2001 đến năm 2006: Nghiên cứu sinh (cán bộ được cử đi học) tại Đại học RMIT, Melbourne, Australia

Từ năm 2006 đến năm 2007: Giảng viên tại Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

Từ năm 2007 đến năm 2013: Giảng viên, Trưởng bộ môn tại Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

Từ năm 2013 đến năm 2020: Giảng viên chính, Trưởng bộ môn tại Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông
Chức vụ: Hiện nay: Giảng viên chính, Trưởng bộ môn, Trưởng Lab nghiên cứu; Chức vụ cao nhất đã qua:
Trưởng Bộ môn

Cơ quan công tác hiện nay: Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

Địa chỉ cơ quan: Khoa Công nghệ thông tin 1, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, Km10 đường
Nguyễn Trãi, quận Hà Đông, TP. Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 024.3351 0432

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Không
có

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 30 tháng 05 năm 1994, ngành: Tin học, chuyên ngành: Tin học

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Đại học Bách Khoa Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng ĐH ngày 28 tháng 07 năm 1998, ngành: Ngoại ngữ, chuyên ngành: Tiếng Anh

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Đại học Ngoại ngữ Hà Nội

- Được cấp bằng ThS ngày 18 tháng 12 năm 2000, ngành: Kỹ thuật, chuyên ngành: Công nghệ thông tin

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Đại học RMIT, Australia

- Được cấp bằng TS ngày 13 tháng 12 năm 2006, ngành: Khoa học ứng dụng, chuyên ngành: Khoa học máy tính

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học RMIT, Australia

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn
thông

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Công nghệ thông tin

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Đảm bảo an toàn máy tính, mạng, ứng dụng và dịch vụ
- Bảo mật thông tin
- Phát hiện tấn công, xâm nhập
- Ứng dụng học máy, khai phá dữ liệu trong an toàn thông tin.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 1 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 6 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức
danh GS không cần kê khai);

- Đã hoàn thành 1 đề tài NCKH cấp Nhà nước; 2 đề tài NCKH cấp Cơ sở;

- Đã công bố (số lượng) 21 bài báo KH, trong đó 5 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản 1, trong đó 1 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng 0 tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
1	Giấy Khen	Cơ sở	2018

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo (tự đánh giá):

Trong suốt thời gian công tác tại Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông với vai trò là giảng viên từ năm 1998 đến nay (2020), tôi luôn cố gắng phấn đấu đảm bảo các tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo theo quy định của Luật Giáo dục Việt Nam và các văn bản liên quan của Nhà nước, của đơn vị công tác quy định về nhiệm vụ, chế độ làm việc của giảng viên; luôn giữ gìn phẩm chất, uy tín và danh dự của nhà giáo; tôn trọng và đối xử công bằng đối với sinh viên, học viên; luôn cố gắng tham gia bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của sinh viên, học viên.

Trong công tác giảng dạy: Luôn chủ động tìm tòi, học hỏi, cập nhật các kiến thức mới liên quan đến các môn học được giao phụ trách. Để tăng tính hấp dẫn của bài giảng, tôi thường chú ý cập nhật và liên hệ nội dung môn học/chuyên đề với các vấn đề nóng, hoặc phát sinh trong thực tế và định hướng giúp sinh viên học cách đặt vấn đề cũng như giải quyết vấn đề. Từ năm 2012, tôi được giao nhiệm vụ xây dựng chương trình khung và chương trình chi tiết ngành đào tạo đại học An toàn thông tin là ngành hoàn toàn mới tại Việt Nam, và sau đó là phụ trách bộ môn An toàn thông tin có trách nhiệm giảng dạy các môn học chuyên ngành An toàn thông tin. Đây là nhiệm vụ mới và có nhiều thách thức, nhưng tôi và các thầy cô trong bộ môn đã tích cực tìm tòi, học hỏi để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Về việc thực hiện định mức giờ chuẩn theo quy định của giảng viên, tôi thường xuyên thực hiện vượt khối lượng giảng dạy, với trên 450 giờ chuẩn/năm trong giao đoạn từ năm học 2010-2011 đến nay.

Trong công tác nghiên cứu: Luôn tích cực, chủ động tìm tòi sáng tạo trong hoạt động nghiên cứu trong điều kiện cho phép tại Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông. Tích cực chủ động tổ chức hợp tác nghiên cứu có hiệu quả với đồng nghiệp tại Học viện và với các đối tác ở trong và ngoài nước, như Khoa An toàn thông tin - Học viện Kỹ thuật mật mã, Khoa Công nghệ thông tin – Đại học Đà Lạt, Cục An toàn thông tin, Đại học viễn

Đánh giá chung: Tôi nhận thấy rằng tôi đã và đang hoàn thành tốt nhiệm vụ của một giảng viên đại học; có tinh thần trách nhiệm, lòng yêu nghề và luôn tận tâm trong công việc; có tác phong làm việc nghiêm túc và chuyên nghiệp.

- Tổng số 15 năm.

(Căn cứ chế độ làm việc đối với giảng viên theo quy định hiện hành)

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/Số giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2014-2015		1	1	8	419.6	45	464.6/ 482.6/ 256
2	2015-2016		1		6	423.8	30	453.8/ 463.4/ 216
3	2016-2017		1		4	612.4	30	642.4/ 652/ 216
3 năm học cuối								

4	2017-2018	1	1	2	7	486	60	516/ 538.5/ 216
5	2018-2019	2		2	5	565	30	595/ 607.9/ 216
6	2019-2020	2		1	6	603.6	30	633.6/ 646.5/ 216

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☒:

- Học ĐH ☐; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐; Tại nước: Australia năm 2006

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☒:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Đại học Ngoại ngữ Hà Nội số bằng: B125255; năm cấp: 1998

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☒:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, Việt Nam

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Cử nhân ngoại ngữ (hệ tại chức)

4. Hướng dẫn NCS, học viên CH, BSCK, BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			

1	Nguyễn Văn Khoa		X	X		07/2017 đến 12/2017	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	2018
2	Lê Thị Ngọc Anh	X			X	01/2012 đến 12/2017	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	2019
3	Vương Minh Việt		X	X		07/2019 đến 12/2019	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	2020
4	Ninh Thị Thu Trang		X	X		07/2017 đến 12/2017	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	2018

1	Giáo trình Cơ sở an toàn thông tin	GT	Nhà xuất bản Thông tin và truyền thông, năm 2020	1	MM		QĐ số 297/QĐ-HV ngày 13/5/2020 của Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông
---	------------------------------------	----	--	---	----	--	---

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau PGS/TS: 1

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;
- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Kết quả
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
1	Nghiên cứu, phát triển hệ thống phân tích vết truy cập dịch vụ cho phép phát hiện, cảnh báo hành vi bất thường và nguy cơ mất an toàn thông tin trong Chính phủ điện tử	CN	KC.01.05/ 16-20, cấp Nhà nước	01/10/2017 đến 30/09/2019	Nghiệm thu ngày 03/01/2020 Kết quả xếp loại: Đạt
2	Xây dựng hệ thống tư vấn trực tuyến các câu hỏi của khách hàng	CN	01-2008- HV- CNTT, cấp Cơ sở	01/09/2008 đến 31/12/2008	Nghiệm thu ngày 25/12/2008 Xếp loại: Tốt

3	Xây dựng mô hình phát hiện đột nhập bất thường dựa trên đa phát hiện và suy diễn mờ	CN	01-2012- HV- CNTT, cấp Cơ sở	01/03/2012 đến 31/12/2012	Nghiệm thu ngày 06/12/2012 Xếp loại: Tốt
---	---	----	------------------------------	---------------------------	---

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
1	Selection and Implementation of a Data Encryption Model for E-Commerce Secure Transactions	3	Không	IEEE International Conference on Telecommunications, Bucharest, Romania, 2001		1	,	2001
2	Intrusion detection based on data mining	3	Có	The 5th International Conference on Enterprise Information Systems, France		7	, 341–346	2003

3	A multi-layer model for anomaly intrusion detection using program sequences of system calls	3	Có	The 11th IEEE International Conference on Networks, Australia		68	, 531-536	2003
4	An efficient hidden Markov model training scheme for anomaly intrusion detection of server applications based on system calls	2	Có	The 12th IEEE International Conference on Networks, Singapore		67	, 470-474	2004
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
5	A program-based anomaly intrusion detection scheme using multiple detection engines and fuzzy inference	3	Có	Journal of Network and Computer Applications	X - SCIE IF: 5.273	95	32 , 6, 1219–1228	2009

6	An embedded DSP hardware encryption module for secure e-commerce transactions	3	Không	Security and Communication Networks	X - SCIE <i>IF: 1.376</i>	5	4 , 8, 902-909	2010
7	A crossed-domain sentiment analysis system for the discovery of current careers from social networks	2	Không	SoICT '14: Proceedings of the 5th Symposium on Information and Communication Technology, December 4-5, 2014, Hanoi, Viet Nam	- Scopus	7	, 226-231	2014
8	Dự Báo Dịch Tả Dựa Trên Mô Hình Học Máy Phân Lớp	2	Không	Hội Thảo Quốc Gia 2015 về Điện Tử, Truyền Thông và CNTT: REV-ECIT 2015			, 348-352	2015
9	Cholera forecast based on mining association rules	3	Không	International Conference on Communications, Management and Telecommunications (ComManTel), Da Nang, Vietnam, 2015		1	, 138-143	2015

10	A Review on Hot-IP Finding Methods and Its Application in Early DDoS Target Detection	2	Có	Future Internet, MDPI	X - ESCI <i>IF: 2.03</i>	1	8 , 4,	2016
11	Kỹ thuật học máy phân lớp với dự báo dịch tả	4	Không	Tạp Chí Khoa Học và Công Nghệ, Đại Học Đà Nẵng			100 , 3, 1-4	2016
12	Phát hiện trạng thái di chuyển bằng xe máy dựa trên smartphones	2	Có	Tạp chí Khoa học và Kỹ thuật, Chuyên san Công nghệ thông tin và Truyền thông - Học viện Kỹ thuật quân sự			9, 118- 130	2016
13	A GIS-based Model for Cholera Forecast	2	Không	Proceedings ITISE 2017: International Work-Conference on Time Series, Granada, Spain			, 305- 315	2017
14	Thiết Lập Công Cụ Mô Phỏng Dự Báo Dịch Tả Bằng Công Nghệ GIS	3	Không	Tạp Chí Khoa Học và Công Nghệ, Đại Học Thái Nguyên			6 , 166, 21-26	2017

15	Botnet Detection Based On Machine Learning Techniques Using DNS Query Data	2	Có	Future Internet, MDPI	X - ESCI <i>IF: 2.03</i>	17	10 , 5,	2018
16	A Website Defacement Detection Method Based on Machine Learning Techniques	1	Có	SoICT '18: Proceedings of the 9th Symposium on Information and Communication Technology, Da Nang, Viet Nam	- Scopus		3, 443-448	2018
17	Khảo sát các nền tảng và kỹ thuật xử lý log truy cập dịch vụ mạng cho phát hiện nguy cơ mất an toàn thông tin	2	Không	Tạp Chí Khoa Học Đại Học Đà Lạt			8 , 2, 89–108	2018
18	Detecting Website Defacements Based on Machine Learning Techniques and Attack Signatures	2	Có	Computers, MDPI	X - ESCI <i>IF: 2.69</i>	2	8 , 2,	2019

19	A Multi-layer Model for Website Defacement Detection	2	Có	SoICT '19: Proceedings of the 9th Symposium on Information and Communication Technology, Hanoi-Ha Long bay, Viet Nam	- Scopus		, 508-513	2019
20	Phát hiện botnet dựa trên học máy sử dụng dữ liệu truy vấn DNS: Phân tích ảnh hưởng của các đặc trưng huấn luyện	3	Có	Hội thảo quốc gia lần thứ XXII: Một số vấn đề chọn lọc của CNTT và truyền thông – Thái Bình, 28-29/6/2019			, 221-226	2019
21	Phát hiện DGA botnet sử dụng kết hợp nhiều nhóm đặc trưng phân loại tên miền	2	Không	Kỷ yếu Hội nghị Quốc gia lần thứ XII về Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng CNTT (FAIR); Huế, ngày 7-8/6/2019			, 369-378	2019

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 4

Lưu ý: Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS.

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
Không có					

- Trong đó, các số TT của bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS

hoặc được cấp bằng TS:

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế:

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
Không có				

- Trong đó, các số TT giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Cấp quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó, tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ	Vai trò	Cơ sở giáo dục đại học
1	Chương trình đào tạo đại học ngành an toàn thông tin	Tham gia	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị

thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

(*) Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

TP. Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2020

Người đăng ký

(Ký và ghi rõ họ tên)